

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/ PROGRAMME:	CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH/ BACHELOR OF BUSINESS ADMINISTRATION
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/ LEVEL OF EDUCATION:	ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	QUẢN TRỊ KINH DOANH/ BUSINESS ADMINISTRATION
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO/ CODE:	<b>7340101</b>
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO /TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO /LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

### 1. MỤC TIÊU

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học về Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lãnh đạo, quản trị, điều hành và khởi sự các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*: đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp*: Sau khi tốt nghiệp cử nhân quản trị kinh doanh có thể đảm nhiệm các vị trí:

- Chuyên viên kinh doanh làm việc trong các loại hình doanh nghiệp hoặc có thể trở thành các doanh nhân tự khởi nghiệp kinh doanh;

- Sau khi tích lũy kinh nghiệm có thể trở thành giám đốc hoặc trưởng các bộ

phận chức năng như bộ phận điều hành, kinh doanh, marketing, nhân lực, tài chính, logistics và chuỗi cung ứng, chất lượng, dự án, nghiên cứu và phát triển, hành chính - tổng hợp; có thể trở thành lãnh đạo trong các tổ chức kinh doanh, tập đoàn kinh tế, cơ quan chính phủ hoặc tổ chức phi lợi nhuận; hoặc trở thành các chuyên gia tư vấn kinh doanh;

- Nếu tiếp tục con đường học thuật, nghiên cứu và được đào tạo ở trình độ sau đại học có thể trở thành giảng viên hoặc cán bộ nghiên cứu của cơ sở đào tạo về kinh tế và quản trị kinh doanh.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

## 2. CHUẨN ĐẦU RA

CDR	Mô tả	Mã CDR
<b>Chuẩn đầu ra về kiến thức</b>	Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội trong thực tiễn.	CDR 1
	Vận dụng các kiến thức cơ bản về toán kinh tế, pháp luật, kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, quản trị kinh doanh, thống kê, hệ thống thông tin quản lý và marketing để khám phá, giải thích và dự đoán hoạt động kinh doanh.	CDR 2
	Hoàn thành các kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về tinh thần và thể chất.	CDR 3
	Nắm bắt và phân tích được những kiến thức về quản trị chung và lãnh đạo, từ lập kế hoạch, tổ chức triển khai và kiểm tra, kiểm soát.	CDR 4
	Nắm bắt và phân tích được các kiến thức cơ bản, tổng quát về kinh tế và quản trị kinh doanh.	CDR 5
	Nắm bắt, phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về các chức năng quản trị của một doanh nghiệp như hoạt động quản trị điều hành, marketing, tài chính, nhân lực, chất lượng,...	CDR 6
	Nắm bắt, phân tích và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh nhằm nâng cao năng lực quản trị của nhà quản trị các cấp để thực thi hoạt động kinh doanh như kiến thức về khởi sự và phát triển kinh doanh, đổi mới sáng tạo, cải tiến năng suất và chất lượng, quản trị dự án, ra quyết định kinh doanh, đánh giá kết quả kinh doanh, kinh doanh bền vững,...	CDR 7

<b>CĐR</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mã CĐR</b>
	Hiểu và có thể áp dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin trong quản trị kinh doanh.	CĐR 8
<b>Chuẩn đầu ra về kỹ năng</b>	Hiểu và có thể áp dụng được các phương pháp và kỹ thuật để thực hiện công việc ở các cấp quản lý từ lãnh đạo đến quản lý chức năng, quản lý cấp cơ sở cho đến nhân viên bao gồm: Phân tích môi trường kinh doanh, hoạch định chiến lược, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, lãnh đạo, xây dựng kế hoạch kinh doanh, tổ chức và điều hành, kiểm soát & đánh giá, cải tiến hoạt động kinh doanh, quản lý dự án, xây dựng báo cáo và soạn thảo văn bản,... Người học cũng hiểu và có thể áp dụng được kỹ năng tạo lập doanh nghiệp mới.	CĐR 9
	Xác định, phối hợp và thực hành các kỹ năng mềm, bao gồm kỹ năng sáng tạo, tư duy phản biện, trao quyền và ủy quyền, giao tiếp, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề và ra quyết định, làm việc nhóm, quản trị xung đột và đàm phán, xây dựng thương hiệu cá nhân, thuyết trình, thích ứng và giao thoa văn hóa.	CĐR 10
<b>CĐR Ngoại ngữ</b>	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CĐR 11
<b>CĐR Tin học</b>	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ ICDL) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CĐR 12
<b>Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm</b>	Sinh viên có năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tự chủ trong công việc.	CĐR 13
	Sinh viên hiểu biết về trách nhiệm xã hội, có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân	CĐR 14

### **3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 129 tín chỉ**

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

**5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

**6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

## 7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

### 7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>85</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>15</b>	05 HP chung của nhóm ngành
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>	<b>42</b>	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	27	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b>	<b>18</b>	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<b>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>129</b>	Không kể GDQP & AN và GDTC

### 7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

**Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy**

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quản trị kinh doanh)		Mã HP/BM	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
<b>Tổng số tín chỉ</b>						
<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>				<b>44</b>		
<b>1.1. Các học phần chung</b>				<b>20</b>		
<b>1</b>	1	Triết học Mác - Lênin Phylosophy of Maxism-Leninism	LLNL1105	3	I	
<b>2</b>	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism-Leninism	LLNL1106	2	II	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quản trị kinh doanh)		Mã HP/BM	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	LLNL1107	2	III	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	LLDL1102	2	IV	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh ideology	LLTT1101	2	V	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục quốc phòng và an ninh Military education	GDQP	8-11		
<b>1.2. Các học phần của Trường</b>						
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for economics	TOCB1110	3	I	
10	4	Pháp luật đại cương Fundamentals of laws	LUCS1129	3	I	
<b>1.3. Các học phần của Ngành</b>				<b>12</b>		
11	1	Quản trị kinh doanh 1 Business management 1	QTTH1102	3	II	KHMI1101
12	2	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in economics and business	TKKD1129	3	III	
13	3	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	II	
14	4	Nguyên lý kế toán Accounting principles	KTKE1101	3	II	
<b>2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>				<b>85</b>		
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>12</b>		
15	1	Quản trị vận hành Operations management	QTKD1148	3	III	
16	2	Quản trị Marketing Marketing management	MKMA1110	3	III	
17	3	Quản trị tài chính Financial management	NHTC1102	3	V	
18	4	Quản trị nhân lực Human resource management	NLQT1103	3	IV	
19	5	Quản trị chiến lược 1 Strategic management 1	QTKD1104	3	IV	QTTH1102 KHMI1101 KHMA1101
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				<b>42</b>		
<b>2.2.1. Các học phần bắt buộc</b>				<b>27</b>		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quản trị kinh doanh)		Mã HP/BM	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
20	1	Quản trị chiến lược 2 Strategic management 2	QTKD1114	3	V	QTKD1104
21	2	Quản trị kinh doanh 2 Business management 2	QTTH1117	3	III	KHMI1101
22	3	Quản trị vận hành 2 Operations management 2	QTKD1149	3	IV	QTKD1135
23	4	Quản trị chất lượng Quality management	QTCL1104	3	IV	KHMI1101
24	5	Khởi sự kinh doanh Entrepreneurship	QTTH1108	3	V	KHMI1101
25	6	Đạo đức kinh doanh Business ethics	QTVH1107	3	IV	QTTH1102
26	7	Quản trị quá trình kinh doanh Business process management	QTCL1111	3	V	KHMI1101
27	8	Quản trị chi phí kinh doanh Cost management	QTTH1116	3	VI	KHMI1101
28	9	Quản trị đa văn hóa Cross - culture management	QTVH1110	3	V	QTTH1102
		<b>2.2.2. Các học phần tự chọn</b> (SV tự chọn 5 học phần trong tổ hợp)		<b>15</b>	VI	
		<b>Quản trị doanh nghiệp</b>		3		
29 30 31 32 33	1	Kỹ năng quản trị Management skills	QTKD1130	3		
	2	Quản trị doanh nghiệp Enterprise management	QTKD1116	3		
			<b>Quản trị điều hành</b>			
	3	Quản trị chuỗi cung ứng Supply chain management	QTKD1133	3		
	4	Quản trị hậu cần Logistics management	QTKD1119	3		
			<b>Khởi nghiệp và Phát triển kinh doanh</b>			
	5	Lập kế hoạch khởi nghiệp Entrepreneurship business plan development	QTTH1130	3		KHMI1101
	6	Chiến lược và chính sách kinh doanh bền vững Business strategy and policy toward sustainability	QTTH1134	3		KHMI1101
			<b>Quản trị kinh doanh tổng hợp</b>			
	7	Ra quyết định kinh doanh Business decision making	QTTH1132	3		TOCB1110
8	Kiểm soát Controlling	QTTH1110	3		KHMI1101	
		<b>Văn hóa doanh nghiệp và Kinh doanh bền vững</b>				
9	Văn hóa doanh nghiệp Corporate culture	QTVH1111	3		QTTH1102	
10	Giao tiếp kinh doanh Business communication	QTVH1109	3		QTTH1102	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quản trị kinh doanh)	Mã HP/BM	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	<b>Quản trị Chất lượng và Đổi mới</b>				
11	Quản trị chất lượng dịch vụ Service quality management	QTCL1105	3		KHMI1101
12	Quản trị năng suất Productivity management	QTCL1110	3		KHMI1101
	<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b> (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)		<b>18</b>	VII	
	<b>Quản trị doanh nghiệp</b>				
1	Quản trị công ty Corporate government	QTKD1134	3		QTKD1116/ QTKD1130
2	Nghiên cứu kinh doanh Business research	QTKD1131	3		QTKD1116/ QTKD1130
	<b>Quản trị điều hành</b>				
3	Quản trị điều hành dự án Project execution management	QTKD1118	3		QTKD1116/ QTKD1130
4	Quản trị văn phòng Office administration	QTKD1136	3		QTKD1116/ QTKD1130
	<b>Khởi nghiệp và Phát triển kinh doanh</b>				
5	Tạo lập doanh nghiệp khởi nghiệp New venture creation	QTTH1133	3		KHMI1101
6	Tái lập doanh nghiệp Corporate restructuring	QTTH1120	3		KHMI1101
	<b>Quản trị kinh doanh tổng hợp</b>				
7	Quản trị giám sát Supervisory Management	QTTH1136	3		QTTH1102
8	Thay đổi và phát triển doanh nghiệp Organisation change and development	QTTH1128	3		KHMI1101
	<b>Văn hóa doanh nghiệp và Kinh doanh bền vững</b>				
9	Tư duy sáng tạo và thiết kế Creative and Design Thinking	QTVH1115	3		QTTH1102
10	Kinh doanh quốc tế International business	TMKD1128	3		
	<b>Quản trị Chất lượng và Đổi mới</b>				
11	Quản trị đổi mới trong kinh doanh Innovation Management in Business	QTCL1112	3		KHMI1101
12	Tiêu chuẩn hóa Standardization	QTCL1107	3		KHMI1101
<b>34</b> <b>35</b> <b>36</b> <b>37</b> <b>38</b> <b>39</b>	<b>40</b> <b>Khóa luận tốt nghiệp</b> <i>Graduation Thesis</i>	QTKD1150	<b>10</b>	VIII	

## **8. Hướng dẫn thực hiện**

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

**TRƯỞNG KHOA QTKD**

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Thành Hiếu**

**PGS.TS. Phạm Hồng Chương**